

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 70/2020/HNGĐ-ST*

*Ngày: 22-9-2020*

*Về việc: “Tuyên bố không công nhận  
mối quan hệ vợ chồng”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Trọng Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Phúc.
2. Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Trung Thành, Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 371/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2020 về việc “Tuyên bố không công nhận mối quan hệ vợ chồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; nơi cư trú: Tổ C, ấp Tân Tr, xã Tân Th, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh; Tạm trú: Tổ A, ấp B, xã S D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Trần Văn N, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã S D, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh – vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tại Đơn khởi kiện và qua lời trình bày trong quá trình giải quyết, tại phiên tòa xét xử như sau:**

Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N sống chung với nhau năm 2015 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung ban đầu hạnh phúc, đến khoảng đầu năm 2018 thì phát sinh nhiều nguyên nhân do bất đồng ý kiến, anh Nam có hành vi gây thương tích cho người khác bị Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử. Sau khi anh Trần Văn N chấp hành xong hình phạt về gia đình, chị K, anh Nam

thường xuyên cãi nhau. Đến đầu tháng 6 năm 2020, chị Nguyễn Thị K gửi Đơn yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh Trần Văn N là vợ chồng.

*Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017, hiện đang sống với chị K.

*Về tài sản chung:* Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về nợ chung:* Anh chị trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nếu có ai khởi kiện thì chị đồng ý giải quyết ở vụ án khác.

Nay chị Nguyễn Thị K yêu cầu tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh Trần Văn N là vợ chồng; yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

**\* Ý kiến của bị đơn anh Trần Văn N trình bày trong quá trình giải quyết vụ án như sau:**

Anh Trần Văn N thống nhất với phần trình bày của chị K về thời gian tìm hiểu và không đăng ký kết hôn, mâu thuẫn, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Anh Trần Văn N trình bày chị Nguyễn Thị K và anh không phải là vợ chồng, việc chị K yêu cầu tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị và anh Nam là vợ chồng thì anh Nam nhất trí. Về con chung Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017 anh yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Ngày 19-8-2020 anh N có Đơn xin giải quyết xét xử, vắng mặt, không cung cấp thêm chứng cứ, lời trình bày.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:*

*Về việc tuân theo pháp luật:* Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử, các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định.

*Về việc giải quyết vụ án:* Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N. Về con chung: Giao con chung Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:***

[1] ***Về tố tụng:*** Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn N có Đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, không cung cấp chứng cứ, lời trình bày thêm nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[2] ***Về quan hệ hôn nhân:*** Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N chung sống với nhau năm 2015 nhưng đến nay chị K và anh N không đi đăng ký kết hôn

và chưa được cấp giấy chứng nhận kết hôn có sự xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Suối Dây, huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh (Bút lục 07). Việc chị K và anh N sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn là trái quy định của pháp luật nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị K yêu cầu ly hôn với anh N nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N là phù hợp với quy định tại Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] **Về con chung:** Chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N có 01 con chung là Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017. Căn cứ Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”. Xét thấy, chị K, anh N đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy cháu Trần Thị H Tr còn nhỏ và đang sống với chị K, còn anh N trình bày nếu được nuôi con chung anh N sẽ giao con chung (cháu Trần Thị H Tr) cho cha mẹ ruột anh chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Ghi nhận chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4] **Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị K, anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] **Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị K, anh Trần Văn N trình bày không có.

[6] **Về án phí:** Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ Điều 9, 14, 15, 16, 53, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;**

#### **Tuyên xử:**

##### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị K và anh Trần Văn N.

**2. Về con chung:** Giao con chung Trần Thị H Tr, sinh ngày 11-5-2017 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận chị Nguyễn Thị K không yêu cầu anh Trần Văn N cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Trần Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về tài sản chung:** Chị Nguyễn Thị K, anh Trần Văn N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về nợ chung:** Chị Nguyễn Thị K, anh Trần Văn N trình bày không có.

**5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Chị Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0000785 ngày 22-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Chị Nguyễn Thị K đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**6. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ./.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- UBND xã, phường, thị trấn nơi đăng ký kết hôn;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu (Hi).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(Đã ký)

**Trần Trọng Hiếu**